

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HS-ST

Ngày 15 - 10 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Tấn Lãm

Ông Lê Tất Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Dương Xuân C - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T, sinh năm: 1985 tại: B Phước; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: thôn X, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Duy Đ và bà Điều Thị L; có vợ Bùi Thị Phương H (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2021 cho đến nay “có mặt”.

**- Người bị hại:** Ông Nguyễn Quang B, sinh năm 1986 “có đơn xin giải quyết vắng mặt”;

Địa chỉ: Thôn L, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

**- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1987 “có đơn xin giải quyết vắng mặt”;

Địa chỉ: Thôn L, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

2. Bà Điều Thị L1, sinh năm 1954 “có mặt”;

Địa chỉ: Thôn X, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- *Người tham gia tố tụng khác:*

*\*Người làm chứng:*

1. Ông Nông Văn C, sinh năm 1983 “vắng mặt”;

Địa chỉ: Thôn 4, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

2. Ông Nguyễn Quang L2, sinh năm 1999 “vắng mặt”;

Địa chỉ: Thôn X, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

3. Ông Hà Văn Q, sinh năm 1960 “vắng mặt”;

Địa chỉ: Thôn X, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 24/11/2020 Nguyễn Duy T, Nguyễn Quang B, Nguyễn Quang L2 và Nông Văn C cùng uống rượu với nhau tại quán thịt cày ở thôn 7, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước, đến khoảng 15 giờ 30’ thì cả bốn cùng nghỉ không nhậu nữa nên Nông Văn C rủ T, B và L2 đi về nhà C để uống rượu tiếp. Khi đến nhà C thì T, L2 và C tiếp tục ngồi uống rượu ở sân còn B thì lên võng nằm ngủ, đến khoảng 16 giờ 00’ cùng ngày C gọi B dậy để uống rượu nhưng B không dậy nên C đã dắt xe mô tô Biển số 93F9-9203 xe của B đến chỗ B đang nằm, quay đuôi xe về phía B rồi nổ máy, nẹt bô mục đích để cho B thức dậy nên giữa C và B xảy ra cự cãi, thấy vậy T đứng lên can ngăn và nói với B “Thôi, có gì thì anh em nói chuyện rồi bỏ qua cho nhau” thì B nói lại với T là “Chuyện của tao không liên quan đến mày” nên T và B xảy ra cự cãi qua lại rồi B nói “Mày thích gì” thì T nói lại “Mày thích gì tao cũng chiều” nghe vậy B nói “Mày thích đụng đến tao thì ngồi đây đợi tao” rồi B điều khiển xe mô tô hiệu Dream Biển số 93F9-9203 của B đi về nhà của B (cách nhà C khoảng 01km), B lấy một con dao cán bằng kim loại dài 15,5cm, lưỡi bằng sắt màu đen, mũi nhọn dài 61,5cm, rồi chạy xe mô tô đem theo dao trên đến nhà C, B để dao trên yên xe rồi đi vào chỗ T, L2 và C đang uống rượu tiếp tục cự cãi, Thấy vậy L2 đi ra lấy con dao của B đang để trên xe vắt qua một bên ở gần đó, không thấy con dao trên xe nên B chạy xe mô tô về nhà về nhà của B. T đã nhặt con dao và đặt gần chỗ T ngồi rồi tiếp tục cùng C và L2 uống rượu tiếp. Khoảng 10 phút sau, B điều khiển xe mô tô quay lại và mang theo 01 cây gậy bằng gỗ dài khoảng 71,2cm, hình vuông đi đến chỗ C, L2, T đang ngồi uống rượu nên T cầm con dao đứng lên để đánh nhau với B. Thấy T cầm dao lúc này B trên tay đang cầm đoạn cây gỗ đi quay lại theo hướng ra ngoài đường, T đuổi theo, tay phải cầm dao chém vào người B một nhát từ trên phía sau lưng nhưng không trúng thấy vậy B quay

người lại đứng đối diện và cách T khoảng 01m, T cầm dao dơ lên chém tiếp một nhát hướng từ trên xuống dưới về phía B, B tay phải cầm cây gỗ còn tay trái dơ lên để đỡ thì bị trúng vào cổ tay trái gây thương tích. Thấy B bị thương tích chảy máu, T dừng lại và nói B để T chở đi bệnh viện nhưng B không đồng ý, sau đó Nguyễn Duy T đến Công an xã Đắc Ô trình báo sự việc và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình (Bút lục các số: 47 - 59; 64 - 70, 82 - 94).

Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ vật chứng gồm: 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen dài 61,5cm, lưỡi thuôn nhọn về phía đầu mũi, chỗ rộng nhất 6,8cm, cán dài 15,5cm; 01 (một) cây gậy gỗ dài (71,2 x 5,5 x 2,3)cm.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 365 ngày 07/01/2021 Trung tâm giám định pháp y B Phước kết luận:

1. Dấu hiệu C qua giám định:

- Vết thương ngang cổ tay trái đứt bó mạch thần kinh trụ, động mạch quay, thần kinh giữa, gân gấp nông sâu các ngón đã phẫu thuật khâu nối động mạch, thần kinh, gân gấp nông sâu các ngón, di chứng mất vận động cổ tay trái và các ngón tay trái.

- Sẹo căng - cổ tay trái:

+ Sẹo ngang trước kích thước 10 x 0,3cm lõm.

+ Sẹo mặt trước ngoài kích thước 6,5 x 0,2cm gọn.

+ Sẹo mặt trước giữa kích thước 4 x 0,2cm lõm.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là **32%** (Ba mươi hai phần trăm).

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKS ngày 21 tháng 5 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ Q công tố luận tội và tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 05 (Năm) năm đến 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng đề nghị: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với 01 con dao bằng kim loại màu đen dài 61,5cm, lưỡi thuôn nhọn về phía đầu mũi, cán dài 15.5cm và 01 cây gậy gỗ dài (71,2 x 5,5 x 2,3)cm, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Quang B yêu cầu bị cáo T phải bồi thường toàn bộ chi phí tiền điều trị thương tích cũng như tiền tổn thất về tinh

thần và mất thu nhập với tổng số tiền là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bị hại B đã nhận đủ số tiền trên và có đơn bãi nại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Đối với người có Q lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quang T1 và bà Điều Thị L1 không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định.

Tại phiên tòa, bị cáo T không tranh luận gì về tội danh và mức hình phạt theo lời trình bày luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo chấp nhận mức hình phạt đối với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra cho bị hại B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận giám định pháp y về thương của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bình Phước; lời khai của bị cáo; người bị hại; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn trong lúc ngồi uống rượu giữa Nguyễn Quang B và Nguyễn Duy T nên đã xảy ra cự cãi rồi thách thức nhau. Sau đó, Nguyễn Quang B đi về nhà mình lấy 01 con dao đến để đánh nhau với T nhưng được mọi người can ngăn, lấy con dao cất dấu. Sau đó, B lại tiếp tục đi về nhà lấy một cây gậy bằng gỗ đến thì bị T cầm dao chém một nhát trúng vào cổ tay trái gây thương tích mất 32% sức lao động.

Đối chiếu với hành vi nêu trên của bị cáo T so với những quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người bị hại B là khách thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì mâu thuẫn với người bị hại B mà bị cáo dùng dao gây thương tích cho người bị hại B nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện việc phạm tội.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo T không có tình tiết tăng nặng tránh nhiệm hình sự nào.

[5.2] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu; bố, mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng; trong quá trình điều tra người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo là người lao động C trong gia đình; bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo T được hưởng theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra do một phần lỗi của người bị hại B. Do đó, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại Nguyễn Quang B yêu cầu bị cáo T bồi thường chi phí tiền điều trị thương tích, tiền tổn thất về tinh thần và tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị thương tích với tổng số tiền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Đối với yêu cầu này của bị hại B bị cáo T và gia đình bị cáo đã bồi thường đủ số tiền trên cho người bị hại B. Trong quá trình điều tra người bị hại B không có yêu cầu gì thêm về phần

trách nhiệm dân sự đối với bị cáo T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang T1, bà Điều Thị L1 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 con dao bằng kim loại màu đen dài 61,5cm, lưỡi thuôn nhọn về phía đầu mũi, cán dài 15.5cm và 01 cây gậy gỗ dài (71,2 x 5,5 x 2,3)cm, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo bị tuyên bố phạm tội, nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01con dao bằng kim loại màu đen dài 61,5cm, lưỡi thuôn nhọn về phía đầu mũi, cán dài 15.5cm và 01 cây gậy gỗ dài (71,2 x 5,5 x 2,3)cm là vật chứng của vụ án.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 00871 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục THADS huyện B, tỉnh Bình Phước)*

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Người bị hại; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an, VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Công**